TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Bà Nguyễn Thị Phượng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Khánh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1991; (có mặt).
Địa chỉ: Số A, ấp B, xã C, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp;
2. Bị đơn: Anh Lê Phước P, sinh năm 1988; (có mặt).
Địa chỉ: Số D, ấp E, xã F, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, chị Lê Thị Cẩm N trình bày:

Chị N và anh P cưới nhau và có đăng ký kết hôn năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do gia đình thiếu hụt về tiền bạc, thường xuyên cãi nhau, anh P có hành động cầm dao rượt chị N. Sau đó, anh P đã dọn ra ở riêng từ tháng 4/2021 đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Phước B, sinh ngày 29/01/2020 hiện đang sống với chị N từ khi vợ chồng xa nhau đến nay. Chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung khi ly hôn: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung khi ly hôn: Chị N không yêu cầu giải quyết.

- Trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Lê Phước P là bị đơn trình bày:

Anh P thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, thời gian không còn chung sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cải nhau vì tiền bạc, có lần do quá nóng nảy anh P có định đánh chị N, nhưng sau đó biết lỗi nên anh P đã xin lỗi chị N. Đến tháng 4/2021, chị ruột của chị N đến ở chung nên anh P đã dọn ra ở riêng đến nay. Từ lúc ở riêng anh P cũng thường tới lui thăm con và phụ tiền cho chị N nuôi con. Nhưng khoảng 01 năm nay thì anh P không chu cấp nữa, vì nghĩ rằng khi nào chị N cần tiền thì nói anh P mới đưa. Thời gian xa nhau, anh P cũng nhờ gia đình 02 bên khuyên nhủ chị N hàn gắn lại nhưng chị N đều không đồng ý. Anh P đã dùng hết cách, nói hết lời mà chị N vẫn không chịu trở về chung sống để lo cho con chung. Giờ anh P cũng không biết dùng cách gì để chị N quay lại chung sống. Nay chị N xin ly hôn, anh P không đồng ý mà yêu cầu chị N trở về chung sống để lo cho con. Anh P hứa sẽ thay đổi bản tính để lo cho vợ con.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Phước B, sinh ngày 29/01/2020 hiện đang sống với chị N từ khi vợ chồng xa nhau đến nay. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh P yêu cầu chị N giao con cho anh P nuôi dưỡng. Bởi vì hiện nay dù chị N nuôi dưỡng con phát triển khỏe mạnh, học hành đàng hoàng, chị N cũng không ngăn cản anh P đến thăm con, nhưng anh P vẫn muốn được nuôi con. Trường hợp được Tòa án giao quyền nuôi con cho anh P thì anh P sẽ đem con về quê sống, anh P làm ruộng vườn để có thời gian nuôi dạy con. Anh P không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung khi ly hôn: Anh P không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung khi ly hôn: Anh P không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh P đang sinh sống tại ấp Hưng Mỹ Đông, xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, theo quy định tại Điều 28; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị N và anh P chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân giữa chị N và anh P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải về chuyện tiền nong, khi xảy ra mâu thuẫn anh P đã dọn ra ở riêng từ tháng 4/2021 đến nay. Thời gian không sống chung anh P có tới thăm con và nhờ gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành. Nay tại phiên tòa anh P không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận rằng không còn biện pháp gì để mong chị N bỏ qua chuyện cũ, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

Từ nhận định và điều luật viện dẫn trên, xét thấy vợ chồng là phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, cùng nhau lo kinh tế gia đình và chăm sóc con chung. Hôn nhân hạnh phúc phải xuất phát từ sự tự nguyện yêu thương của cả vợ chồng. Nhưng chị N và anh P không làm được điều đó, cho thấy, hôn nhân giữa chị N và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung:

Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, xác định chị N và anh P có 01 con chung tên Lê Phước B, sinh ngày 29/01/2020 hiện đang sống với chị N từ khi vợ chồng xa nhau đến nay.

Xét thấy, con chung từ khi anh P ra ở riêng là do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N có thu nhập ổn định, thời gian 01 năm qua anh P không chu cấp, chị N vẫn đủ điều kiện nuôi con ăn học, phát triển khỏe mạnh bình thường. Điều đó chứng minh chị N đủ điều kiện để tiếp tục nuôi con. Đồng thời khi anh P thăm con, anh P cũng thừa nhận chị N không ngăn cản gì.

Như vậy, để cho bé Bảo được lớn lên, học hành, phát triển bình thường về thể chất và tâm lý, nên cần thiết để chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Không nên thay đổi môi trường sống khác, nhằm đảm bảo cho bé Bảo không bị xáo trộn việc học và sinh hoạt hàng ngày.

Anh P không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị N và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh P thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị N xin ly hôn và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Cẩm N. Chị Lê Thị Cẩm N được ly hôn với anh Lê Phước P.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Lê Phước B, sinh ngày 29/01/2020 cho chị Lê Thị Cẩm N tiếp tục nuôi dưỡng (hiện con đang sống với chị N).

Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị N và các thành viên trong gia đình không được cản trở.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Lê Thị Cẩm N tự nguyện nộp đủ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013810 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Án xử công khai. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CCTHADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã C (giấy CNKH số: 71 ngày 01/8/2018) (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Lê Thị Kiều Tiên